

Bản án số: 468/2024/HC-PT

Ngày: 22/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Thảo.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên toà: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 771/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh LC.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8873/2024/QĐ-PT ngày 07/8/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N và Ông Hoàng Xuân N1; cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 3, Thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: số nhà 356 đường HL, phường KT, thành phố LC, tỉnh LC; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện BT, tỉnh LC; Địa chỉ: đường 19/5, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC;

2.2. Chủ tịch UBND huyện BT, tỉnh LC.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Đỗ Bá Hg - Phó Chủ tịch UBND huyện BT, tỉnh LC; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Hồng Nh; Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền chị Nh: Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Số 356 đường HL, phường KT, thành phố LC, tỉnh LC; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do vợ chồng bà N không có chỗ ở, nên ngày 22/03/2002, gia đình bà nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Nguyễn Đăng Kh 01 ngôi nhà có 02 gian nhà cấp 4 xây bằng gạch si, lợp ngói Proximang trên đất cùng đất vườn với giá là 4.000,000 (Bốn triệu) đồng. Việc chuyển nhượng được lập thành văn bản tuy nhiên không có xác nhận, chứng thực của chính quyền địa phương vì thời điểm chuyển nhượng đất chưa được cấp GCNQSD đất. Quá trình sử dụng đất đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất hàng năm. Cụ thể trước năm 2012 hộ bà N có nộp thuế đất phi nông nghiệp nhưng không còn giữ biên lai do mưa lũ năm 2016 cuốn trôi tài sản. Từ năm 2012 cho đến nay nhà nước không thu thuế; Năm 2016 làm thủ tục đề nghị UBND huyện BT công nhận quyền sử dụng đất ở. Tuy nhiên do UBND huyện BT cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn L hàng xóm trồng lán vào đất của gia đình bà N và một số gia đình khác nên không cấp được. Từ năm 2013-2016 bà N đã thực hiện kê khai bản đồ địa chính. Theo bản đồ địa chính thị trấn PL được nghiệm thu năm 2018 thì 89,7m² đất của hộ bà N được xác định là đất ở.

Năm 2022, bà N đã làm thủ tục xin công nhận quyền sử dụng đất, bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính với nhà nước, nhưng sau đó do đất có quy hoạch nên UBND huyện BT không cấp bìa cho gia đình bà N. Nhà và đất vợ chồng bà sử dụng để ở ổn định từ tháng 3/2002 cho đến nay. Không có tranh chấp, không bị xử phạt. Ngày 24/04/2023 Ủy ban nhân dân huyện BT thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL. Tại Quyết định thu hồi đất số 1422/QĐ/ UBND của UBND huyện BT thu hồi lại xác định 89,7m² đất của bà là đất trồng cây CLN (cây lâu năm) là không đúng. Việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BT tự ý chỉnh lý bản đồ địa chính xác định đất CLN là trái pháp luật không đúng hiện trạng sử dụng đất

Gia đình bà N có 01 người con là Hoàng Hồng Nh ở cùng, đủ điều kiện tách hộ nên bà Nh đủ điều kiện được cấp đất tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Từ lý do trên, người khởi kiện nhận thấy Bản đồ địa chính đã được nghiệm thu diện tích 89,7m² đất của hộ bà N thuộc thửa số 196 tờ bản đồ DC5 và được xác định là đất ODT (đất ở). Thực tế trên đất có nhà ở, công trình phụ; Có xác nhận nguồn gốc đất ở, thời điểm sử dụng đất có tài sản trên đất, cùng hộ khẩu theo quy định tại Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 100 Luật đất đai. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LC giải quyết:

1. Tuyên hủy Quyết định số 1422/QĐ – UBND ngày 24/04/2023 của Ủy ban nhân dân huyện BT về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC,

2. Hủy một phần Quyết định số: 1425/QĐ – UBND ngày 24/04/2023 của Ủy ban nhân dân huyện BT về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL.

3. Tuyên hủy Quyết định số 1950/QĐ – UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc cưỡng chế thu hồi đất.

4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện BT phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ thống kê, bồi thường theo các chính sách hỗ trợ và cấp đất tái định cư cho các hộ gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Đỗ Bá Hg trình bày:

1. Xét về nguồn gốc đất, thẩm quyền và căn cứ thu hồi đất:

Bà Nguyễn Thị N đang sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ 39; diện tích 89,7 m² địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố số 3, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC chưa được cấp GCNQSDĐ.

Trước năm 1994 khu vực hộ bà Nguyễn Thị N hiện nay đang sử dụng chưa được đo đạc thành lập bản đồ địa chính. Đến năm 1994 được đo đạc thành lập bản đồ địa chính (số hoá năm 2005) chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng Tính (Hường).

Căn cứ biên bản họp ngày 22/6/2022 của UBND thị trấn PL về việc lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất, hộ bà N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng Kh từ năm 2002 và sử dụng làm nhà ở ổn định từ đó đến nay. Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính được đo đạc và nghiệm thu năm 2008 và bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới, được đo đạc nghiệm thu năm 2018 không thể hiện bà N có tài sản, vật kiến trúc trên đất. Mặt khác theo văn bản số 321/CCT-NVQLT ngày 02/3/2022 của Chi cục thuế huyện BT phúc đáp thì hộ bà N được miễn tiền sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2012 đến 2021 đối với thửa đất 163, tờ bản đồ P12 đã được cấp GCNQSDĐ số R 750158. Do vậy, Căn cứ Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai về xác định loại đất; (theo Khoản 1, Điều 75, Luật đất đai năm 2013) UBND huyện BT thu hồi, bồi thường đất nông nghiệp cho bà N là đúng quy định.

2. Về trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh LC về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới và Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh LC phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ trung tâm, thị trấn PL. UBND huyện BT đã triển khai thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

Ngày 09/7/2019, UBND huyện đã tổ chức họp các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất để công khai công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư; Ngày 22/7/2020, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3592/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án. Ngày 04/8/2020 ban hành Thông báo thu hồi đất số 591/TB-UBND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ trung tâm. Ngày 18/7/2022 Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với UBND thị trấn PL, Chủ đầu tư và hộ gia đình bà N đã tổ chức tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, hoa màu và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 24/4/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1422/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ trung tâm, và Quyết định số 1425/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ công trình Hồ trung tâm, thị trấn PL, BT; Ngày 10/5/2023, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và UBND thị trấn PL chi trả tiền cho hộ gia đình bà N. Thông báo số 29/TB-QLDA ngày 08/5/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, tuy nhiên bà N không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; Ngày 15/5/2023; Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện phối hợp với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ Quốc Việt N1 và các ban ngành, đoàn thể thị trấn PL tổ chức vận động, thuyết phục bà N chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên bà N không chấp hành nhận tiền và không bàn giao đất để thực hiện công trình; Ngày 26/5/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất và số 1954/QĐ-UBND thành lập hội đồng cưỡng chế.

3. Về xác định loại đất thu hồi, xét hỗ trợ bồi thường cấp đất tái định cư:

Đất và các giấy tờ của hộ bà N không phải là các căn cứ thuộc khoản 1, 2, 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai (khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Nên việc xác định loại đất thu hồi thuộc thẩm quyền của UBND huyện BT.

Căn cứ vào bản đồ địa chính, hồ sơ lưu trữ (sổ mục kê; sổ địa chính; sổ cấp GCNQSD đất) không có tên người sử dụng đất ở là hộ bà Nguyễn Thị N, Tổ dân phố Số 3, thị trấn PL; Do vậy, UBND huyện BT xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm khác (CLN) để thu hồi, bồi thường và không hỗ trợ và cấp đất tái định cư đối với hộ bà N là đúng quy định. Nên UBND huyện BT đã thực hiện đúng trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc bà N yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 1422/QĐ-UBND và một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND về phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định 1950/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất để phục vụ công trình Hồ trung tâm là không có cơ sở; Đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Hồng Nh (con gái bà N) trình bày:

Chị Hoàng Hồng Nh đã kết hôn và sinh được 01 người con là cháu Bùi Minh Đg sinh năm 2019, cùng sống với hộ bà N tại nơi có đất và nhà ở bị thu hồi. Gia đình chị Nh có đủ điều kiện tách hộ vì thực tế nhà có 3 thế hệ cùng chung sống trên 01 mảnh đất và cùng trong một sổ hộ khẩu, nên chị Nh nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện, chị Nh đủ điều kiện được cấp đất tái định cư dạng hộ phát sinh theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên có đơn đề nghị không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại; Lý do khi giải quyết khiếu nại ở cơ sở đã tiếp cận chứng cứ và đối thoại nhiều lần nhưng không thành. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh LC mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính theo quyết định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh LC đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/ NĐ-CP; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Xuân N1 và đề nghị của người đại diện của người khởi kiện về việc:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện BT, tỉnh LC về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án: Xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL đối với hộ bà Nguyễn Thị N.

- Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện BT, tỉnh LC về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL đối với diện tích khi thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị N.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1950/QĐ-CT.UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện BT, tỉnh LC về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị N.

- Buộc UBND huyện BT, tỉnh LC thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023, bà Nguyễn Thị D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị D không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và sau khi trình bày nội dung vụ án, nội dung kháng cáo và các căn cứ của việc kháng cáo đề nghị Hội

đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, kháng cáo của đại diện người khởi kiện hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án và bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy như sau:

* Về tố tụng:

[1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Xuân N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện BT, tỉnh LC về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án: Xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL đối với hộ bà Nguyễn Thị N; Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện BT, tỉnh LC về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL đối với diện tích khi thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị N và Quyết định số 1950/QĐ-CT.UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện BT, tỉnh LC về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị N. Đây là các quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành, thực hiện hoặc không thực hiện trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, ông N1 và đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 05/6/2023, bà N, ông N1 làm đơn khởi kiện là trong thời hạn 01 năm. Tòa án nhân dân tỉnh LC thụ lý, giải quyết theo yêu cầu khởi kiện là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu theo quy định tại Điều 30; Điều 32 và Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án,

người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Kháng cáo của Người khởi kiện hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt nhưng đã gửi văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo thủ tục chung. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án nên đề nghị của bà Diệu không có căn cứ chấp nhận.

* Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện: Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh LC về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới và Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh LC phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ trung tâm, thị trấn PL. UBND huyện BT đã tiến hành tổ chức họp các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất; ngày 22/7/2020, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3592/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án; ngày 04/8/2020, UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 591/TB-UBND; ngày 18/7/2022 Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với UBND thị trấn PL, Chủ đầu tư và hộ gia đình bà N đã tổ chức thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản. Ngày 24/4/2023 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1422/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, cùng ngày ban hành Quyết định số 1425/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường; ngày 10/5/2023, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất chi trả tiền cho hộ gia đình bà N, tuy nhiên bà N không nhận tiền bồi thường. Ngày 15/5/2023; Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện phối hợp với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và các ban ngành, đoàn thể tổ chức vận động, thuyết phục, do hộ bà N không chấp hành. Do đó, ngày 26/5/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Hội đồng xét xử thấy: UBND huyện BT đã ban hành các quyết định 1422, 1425 và 1950 là có căn cứ, đúng thẩm quyền, bảo đảm về trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 62; Điều 63; khoản 2 Điều 66; Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013

* Về nội dung:

[5] Đối với Quyết định số 1422/QĐ-UBND: Quyết định 1422/QĐ-UBND của UBND huyện BT đã thu hồi 89,7m² đất của hộ bà N tại thửa đất số 165, tờ bản đồ 39; diện tích 89,7 m² địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố số 3, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC chưa được cấp GCNQSDĐ và xác định là đất trồng cây lâu

năm. Bà N không nhất trí việc UBND huyện BT chuyển từ đất ở sang đất trồng cây lâu năm để bồi thường khi thu hồi và không cấp tái định cư. Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, UBND huyện BT thừa nhận việc xác minh cung cấp tài liệu bị nhầm lẫn với đất hộ bà N sinh năm 1953 là hộ khác và thừa nhận tại thời điểm thu hồi đất hộ bà N (N1) tại tổ 3 chưa có nhà và đất ở nào khác. Đồng thời đề nghị được giao nộp bổ sung tài liệu khắc phục tại phiên tòa bằng Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 về việc đồng ý “*phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL, huyện BT*” đối với hộ bà N có danh sách và phương án bồi thường kèm theo. Do là đất trồng cây lâu năm nên hộ bà N thuộc đối tượng giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai 2013, được giao một suất đất ở diện tích từ (100-120m²) với giá là 4.600.000đ/1m² (như phương án gửi kèm danh sách các hộ được xét duyệt giao đất). Người khởi kiện không đồng ý với Quyết định 4561 nêu trên và cho rằng đất đã có đủ giấy tờ và được Chi nhánh VPĐKĐĐĐ trả lời tại Văn bản 602 ngày 31/8/2023 là đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bà N, tại tổ 3 vị trí đất bị thu hồi. Do vậy, gia đình bà phải được xét đất ở tái định cư hộ chính chủ được nhà nước trả bằng đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất khi bồi thường và hộ phát sinh có đủ điều kiện tách hộ theo quy định. Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về nguồn gốc: Trước năm 1994 khu vực hộ bà Nguyễn Thị N hiện nay đang sử dụng chưa được đo đạc thành lập bản đồ địa chính. Đến năm 1994 được đo đạc thành lập bản đồ địa chính (số hoá năm 2005) chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng Tính (Hường), Nguyễn Đăng Kh, Nguyễn Văn Lũy (Nguyệt), Nguyễn Tài Hồng và ông Vũ Văn Bản. Năm 2002, gia đình bà N, ông N1 mua lại thửa đất của ông Nguyễn Đăng Kh (theo Giấy mua bán nhà ngày 22/3/2002).

[5.2] Về việc xác định loại đất, quá trình sử dụng đất: Tại Biên bản họp ngày 22/6/2022 của UBND thị trấn PL về việc lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất, hộ bà N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng Kh từ năm 2002 và sử dụng làm nhà ở ổn định từ đó đến nay. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ địa chính, Bản đồ địa chính được đo đạc và nghiệm thu năm 2008 và Bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới, được đo đạc nghiệm thu năm 2018 không thể hiện bà N có tài sản, vật kiến trúc trên đất; Văn bản số 321/CCT-NVQLT ngày 02/3/2022 phúc đáp của Chi cục thuế huyện BT, hộ bà N được miễn tiền sử dụng đất từ năm 2012 - 2021 chứ không phải đã nộp thuế, nên không có căn cứ là đất ở có nhà ở ổn định trên đất bị thu hồi. Đối với công văn số 602 của Chi nhánh VPĐKĐĐĐ chỉ nêu ngày 09/12/2022 cấp GCNQSDĐ thửa 196 bản đồ CD5 cho bà N, nhưng trong hồ sơ chưa có GCNQSDĐ và đăng ký QSDĐ, việc chứng minh các nghĩa vụ tài chính khi sử dụng đất ổn định, liên tục chưa phù hợp; Các loại giấy tờ khác như hóa đơn điện, nước...theo hộ đang sử dụng không có. Ngoài ra, tại Văn bản số 106/CV-UB.TT ngày 13/4/2023 của UBND thị trấn PL đã tự điều chỉnh, rút đề nghị công nhận cấp đất ở cho hộ bà N do hồ sơ của UBND thị trấn và Chi nhánh

VPĐKĐĐĐ có sai phạm, nên chưa cấp giấy CNQSDĐ. Người khởi kiện không cung cấp được cái tài liệu, chứng cứ để xác định là loại đất chưa có giấy tờ nhưng đủ căn cứ là đất ở ổn định, liên tục trước 01/7/2004 phù hợp với đất quy định tại khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 nghị định 43/2014/NĐ-CP.

[5.3] Về thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất và căn cứ xác định loại đất: Theo quy định tại Điều 11; khoản 4 Điều 59 Luật đất đai 2013 và khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng*”; khoản 5. “ .. *Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất*”. Như vậy, việc UBND huyện chuyển mục đích sử dụng đất để đảm bảo cho dự án là đúng thẩm quyền.

[5.4] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Việc UBND huyện BT, tỉnh Lao Cai xác định hộ bà N sử dụng đất có nhà ở nhưng chưa có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai và chưa được cấp GCNQSDĐ; đăng ký QSDĐ theo quy định tại thời điểm thu hồi đất. Tuy nhiên, do hộ bà N chưa có nhà, đất ở nào khác nên thuộc trường hợp thu hồi hết đất ở mà trong địa bàn xã, phường, thị trấn không còn đất ở, nhà ở nào khác nên được nhà nước giao đất ở...có thu tiền..” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật về đất đai, bảo đảm quyền lợi của người sử dụng (hộ bà N) khi bị thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà N, ông N1, không hủy Quyết định 1422 về thu hồi đất của UBND huyện BT là phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Về nội dung của Quyết định số 1425: Theo Quyết định số 1425 về việc phê duyệt phương án bồi thường của hộ bà Nguyễn Thị N, hộ bà N được bồi thường tổng số tiền là 28.724.413 đồng, trong đó: Bồi thường đất đai: 2.691.000 đồng; bồi thường về tài sản, vật kiến trúc trên đất: 21.023.413 đồng; bồi thường hoa màu trên đất: 10.000 đồng; hỗ trợ di chuyển nhà là: 5.000.000 đồng; chuyển đổi việc làm 03 người: 1.260.360đ, (hộ bà N không khiếu nại về số lượng tài sản và diện tích đất bồi thường). Như phân tích ở trên, hộ bà N sử dụng đất và công trình nhà ở trên đất thu hồi là 89,7m², đất có nhà trên đất thuộc loại đất trồng cây lâu năm (như đánh giá trên đây) UBND huyện BT áp giá toàn bộ đất có nhà ở và bồi thường theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 và Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh LC quy định về bảng giá đất để bồi thường đối với diện tích đất trồng cây lâu năm là đúng quy định theo Khoản 2 Điều 74 Luật đất đai tại thời điểm thu hồi đất. UBND huyện BT xác định hộ bà N không có nơi ở nào khác cùng địa bàn xã, thị trấn nơi có đất bị thu hồi nên giao 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định 4561 cho hộ bà N theo khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2024 là đúng quy định để hộ bà N là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu Bồi thường đất ở tái định cư: Bà N đề nghị cấp 02 suất tái định cư gồm: 01 cho hộ chính chủ và 01 hộ phát sinh là chị Hoàng Thị Nh

[7.1] Đối với hộ chính chủ bà N: Theo quy định tại theo Khoản 4 Điều 6, Nghị định 47/2014/CP ngày 15/5/2014 và Điều 74; khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013. Xét thấy, việc UBND huyện BT đã có Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 về “*phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn PL, huyện BT*” đối với hộ bà N do chưa có nhà, đất ở đã được UBND huyện giao một xuất đất ở diện tích từ (100-120m²) với giá là 4.600.000đ/1m² (như phân tích trên) là có căn cứ.

[7.2] Về đề nghị cấp đất tái định cư cho chị Hoàng Hồng Nh hộ phát sinh; Chị Nh có cùng hộ khẩu với ông N1 và bà N tại khu Phố II, Thị trấn PL; nhưng đã kết hôn với anh Bùi Minh Phương, sinh 1989 - Trú tại; xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Theo giấy kết hôn ngày 24/12/2018, anh Phương hiện không có trong hộ khẩu cùng chị Nh và bà N, (hôn nhân đang tồn tại); Như vậy, chị Nh có nơi ở khác cùng anh Phương, chị Nh không giao nộp được các tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình (thuộc hộ phát sinh có đủ điều kiện giao đất) Chị Nh không thuộc trường hợp có nhiều cặp vợ chồng (kết hôn) cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi theo quy định tại Khoản 2, 4 Điều 6, Nghị định 47/2014/CP ngày 15/5/2014; phần tài sản sở hữu chung đã được bồi thường cho chủ hộ bà N, nên không có căn cứ chấp nhận thuộc diện (phát sinh, ăn theo) được giao đất có thu tiền.

[8] Tổng hợp những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ các yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không có thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh LC.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng bà Diệu đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000369 ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LC.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- Cục THADS tỉnh LC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Thanh

Ngô Quang Dũng

Trần Xuân Thảo